TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Bích Hoàn;
2. Ông Nguyễn Văn Hẩn.

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Đỗ Huy Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 1576, ấp PD, xã PC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh - vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông S, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 169, đường DH, Tổ 4, thôn DH, xã TL, huyện NĐ, Đài Loan - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày:

Bà và ông Jao, S sau khi quen biết nhau năm 2015, sau một thời gian cả hai quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ngày 16 tháng 12 năm 2015.

Sau khi kết hôn bà và ông S sống tại Việt Nam được một tháng thì ông S về Đài Loan sống còn bà vẫn sống tại Việt Nam. Do bất đồng ngôn ngữ, lối sống không phù hợp nên từ năm 2015 đến nay cả hai không liên lạc với nhau. Do cả hai không gặp nhau, gần gũi nhau nên dần phát sinh mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn càng trầm trọng, cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn ông S.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông S đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (sau đây gọi chung là phiên họp hòa giải), mở lại phiên họp hòa giải, mở phiên tòa và mở lại phiên tòa trong văn bản thông báo thụ lý vụ án và đã nhận được kết quả tống đạt nhưng ông S vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tống đạt thông báo, văn bản cho đương sự, giao thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; cho bà T được ly hôn ông S.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung bà T trình bày không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông S đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (sau đây gọi chung là phiên họp hòa giải), mở lại phiên họp hòa giải, mở phiên tòa và mở lại phiên tòa trong văn bản thông báo thụ lý vụ án và đã nhận được kết quả tống đạt nhưng ông S vắng mặt.

Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T và ông S.

[2] Về nội dung: Bà T và ông S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhau tại Việt Nam được hơn một tháng thì ông S về Đài Loan sống còn bà T sống tại Việt Nam và vợ chồng không gặp nhau từ năm 2015 đến nay. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng hai bên không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định trên.

Nay bà T sống tại Việt Nam còn ông S sống tại Đài Loan, bà T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn ông S.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông S trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông S.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông S, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông S.

2. Cho bà T ly hôn ông S.

3. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000413 ngày 18 tháng 12 năm 2017, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Bà T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Ông S được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Vân